

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28/6/2024
V/v tranh chấp hôn nhân
và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG- TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Moong Công Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cụt Xuân Ninh

Ông Nguyễn Mạnh Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Lô Quốc Át- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tương Dương tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Lô Văn Tim - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 80/2024/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vi Thị Phương N, sinh năm 1999 (Có đơn xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Bản Đ, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: Anh Vy Tuấn A, sinh năm 1994 (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

Địa chỉ: Bản Đ, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 17/4/2024 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án chị Vi Thị Phương N trình bày:

- Về tình cảm: Chị Vi Thị Phương N và anh Vy Tuấn A tìm hiểu nhau được một thời gian thì kết hôn vào năm 2018. Chị N và anh A đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An vào ngày 10 tháng 7 năm 2018 trên

cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng tính cách quá khác nhau nên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, lâu dần tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, sức chịu đựng có hạn nên vào năm 2022 chị **N** quyết định sống ly thân với anh **O** và về sống với ông bà ngoại tại bản Na Ca, xã **N**, huyện **T**, tỉnh **Nghệ An**. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị **N** có nguyện vọng ly hôn để ổn định cuộc sống và công việc.

- Về con chung: Chị **N** và anh **A** có 02 con chung là cháu **Vi Minh T**, sinh ngày 16/6/2018 và cháu **Vi Minh T1**, sinh ngày 29/8/2020 hiện nay cháu **Vi Minh T1** đang ở với tôi tại **Bản N, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An** con cháu **Vi Minh T** đang sống với anh **Vi Tuấn A1**. Từ năm 2022 khi chị **N** quyết định sống ly thân với anh **A1** thì hai bên gia đình đã thỏa thuận với nhau là giao cháu **Vi Minh T1** sinh ngày 29/8/2020 cho chị **Vi Thị Phương N** chăm sóc, nuôi dưỡng còn cháu **Vi Minh T** sinh ngày 16/6/20218 được sống anh **Vi Tuấn A1** và ông bà nội và tiền nuôi dưỡng con chung chị **N** và anh **A1** không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị **N** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập họp lệ, các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hoà giải hợp lệ cho anh **V Tuấn A1** theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh **A1** đều vắng mặt, vụ án không tiến hành hoà giải được do sự vắng mặt của bị đơn **Vy Tuấn A**. Nguyên đơn chị **Vi Thị Phương N** vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh **Vy Tuấn A** nên Toà án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kết quả xác minh tại địa phương thì anh **V Tuấn A** có hộ khẩu thường trú tại **bản Đ, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An** có vợ là chị **Vi Thị Phương N** và có 02 con chung là cháu **Vi Minh T**, sinh ngày 16/6/2018 và cháu **Vi Minh T1**, sinh ngày 29/8/2020 hiện cháu **Vi Minh T** đang sống với ông bà nội và anh **Vy Tuấn A** còn cháu **Vi Minh T1** đang sống với chị **Vi Thị Phương N**, trú tại bản Na Ca, xã **N**, huyện **T**, tỉnh **Nghệ An** từ năm 2022 chị **N** và anh **A** sống ly thân với nhau thì chị **N** đưa cháu **Vi Minh T1** về ở với ông bà ngoại. Anh **Vy Tuấn A** hiện nay đi làm công nhân ở ngoài Bắc. Anh **A** thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại và thỉnh thoảng anh **A** vẫn về nhà, anh **A** là người trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng cháu **Vi Minh T**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn, bị đơn: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn chị **Vi Thị Phương N** cụ thể như sau: Quan hệ hôn nhân cho chị **Vi Thị Phương N** được ly hôn với anh **Vy Tuấn A**; Con **C**: Giao cháu **Vi Minh T**, sinh ngày 16/06/2018 cho anh **V Tuấn A** chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành. Giao cháu **Vi Minh T1** sinh ngày 29/8/2020 cho chị **Vi Thị Phương N** chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị **N** và anh **A**; Tài sản chung, nợ chung: Chị **N** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Án phí: chị **N** chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng và các lời khai của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh **Vy Tuấn A** có hộ khẩu thường trú tại **bản Đ, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An**. Căn cứ vào Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị **Vi Thị Phương N** và bị đơn anh **Vy Tuấn A** thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An. Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai không vì trường hợp bất khả kháng, trở ngại khách quan nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Quan hệ hôn nhân: Chị **N** và anh **A** kết hôn với nhau vào năm 2018 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc và được Ủy ban nhân dân xã **N, huyện T, tỉnh Nghệ An** cấp giấy chứng nhận kết hôn tại số 31 ngày 10/7/2018 vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Nội dung:

[3.1] Tình cảm: Chị **N** và anh **A** trong quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do quan điểm sống khác nhau, anh **A** thường xuyên chửi bới, xúc phạm chị **N** thậm tệ 0 và đã sống ly thân với nhau từ năm 2022, chị **N** cũng thừa nhận, chị không còn tình cảm với anh **A**, không muốn tiếp tục chung sống với anh **A** và muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống, hôn nhân không đạt được mục đích, mâu thuẫn phát sinh từ lâu nhưng cả hai không tìm ra được giải pháp khắc phục, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị **N** và anh **A** đã đến mức

trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị **N** là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Con chung: Chị **N** và anh **A** có 02 con chung là cháu **Vi Minh T**, sinh ngày 16/6/2018 và cháu **Vi Minh T1**, sinh ngày 29/8/2020. Hiện cháu **Vi Minh T** đang sống với anh **Vy Tuấn A** tại bản Đàng, xã **N**, huyện **T**, tỉnh **Nghệ An** và cháu **Vi Minh T1** đang ở với chị **Vi Thị Phương N** tại bản Na Ca, xã **N**, huyện **T**, tỉnh **Nghệ An**, khi ly hôn chị **Vi Thị Phương N** có nguyện vọng xin được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu **Vi Minh T1** còn cháu **Vi Minh T** để cho anh **V Tuấn A** được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Xét thấy, từ khi ly thân vào năm 2022 thì chị **Vi Thị Phương N** và anh **Vy Tuấn A2** và hai bên gia đình đã thỏa thuận với nhau về con chung là giao cháu **Vi Minh T1** cho chị **Vi Thị Phương N** chăm sóc nuôi dưỡng còn cháu **Vi Minh T** để cho anh **V Tuấn A** được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Qua xác minh tại địa phương thì **Vi Minh T1** đang sống với chị **Vi Thị Phương N** và cháu **Vi Minh T** sống với anh **Vy Tuấn A** và ông bà nội, các khoản đóng góp cho nhà trường đối với cháu **Vi Minh T** đều do anh **A**, ông bà nội đóng góp. Hội đồng xét xử xét thấy cháu **Vi Minh T1** đã sống ổn định với chị **Vi Thị Phương N** từ năm 2022 cho đến nay và cháu **Vi Minh T** đã sống ổn định với anh **Vy Tuấn A** và ông bà nội. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con chung, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu **Vi Minh T1**, sinh ngày 29/08/2020 cho chị **Vi Thị Phương N** chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi và giao cháu **Vi Minh T** sinh ngày 16/6/2018 cho anh **V Tuấn A** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chị **N** không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị **N** và anh **A** được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở thực hiện quyền này.

[3.3] Tài sản chung, nợ chung: Chị **Vi Thị Phương N** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí và quyền kháng cáo: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, và Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q;

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Vi Thị Phương N được ly hôn với anh Vy Tuấn A.

2. Con chung:

+ Giao con chung của nguyên đơn và bị đơn là Vi Minh T1, sinh ngày 29/08/2020 cho chị Vi Thị Phương N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành.

+ Giao con chung của nguyên đơn và bị đơn là Vi Minh T, sinh ngày 16/06/2018 cho anh V Tuấn A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành.

- Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị N và anh A;

- Chị N và anh A có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một bên hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Buộc chị Vi Thị Phương N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007371 ngày 19/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ*****Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An
- VKSND H.Tương Dương;
- Cơ quan THADS H.Tương Dương;
- Các đương sự;
- UBND xã Nga My;
- Lưu Vp;
- Lưu hồ sơ.

Moong Công Hải

